

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày 27-11-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Trị

Ông Nguyễn Văn Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hằng - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Trương Thị Mỹ T1 (M), sinh ngày 16 tháng 2 năm 1982, giới tính: nữ, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: 294 ấp A, xã T2, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Đại học ngành tài chính - ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Thanh D và bà: Đinh Thị T3; có chồng: Triệu Ngô Minh H1 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam: 7-4-2020. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Huỳnh Quốc Cường - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ:

- Người bị hại:

1. Đặng Hoàng T4, sinh năm 1987. Vắng.

Nơi cư trú: 178 L, phường H2, quận N1, thành phố Cần Thơ.

2. Dương Minh S, sinh năm 1984.

Lê Thị C, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: 60 đường B30, khu dân cư 91B, phường K, quận N1, thành phố Cần thơ.

3. Dương Thị Bích T5, sinh năm 1980. Vắng

Nơi cư trú: - 60 đường B30, khu dân cư 91B, phường K, quận N1, thành phố Cần thơ.

- C114 Trần Khánh D, phường X, quận N1, thành phố Cần Thơ.

4. Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1989. Vắng

Nơi cư trú: Ấp 9, xã F, huyện V, tỉnh Cà Mau.

5. Nguyễn Thị Minh T5, sinh năm 1988. Vắng

Nơi cư trú: 65B3 khu dân cư P, phường G, quận C1, thành phố Cần thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Mỹ T1 có thời gian làm tại phòng hành chính ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu (EXIMBANK) chi nhánh Cần Thơ và sau đó làm cộng tác viên bán hàng cho công ty cho vay tài chính Fe Credit chi nhánh Vĩnh Long. Từ đó T1 biết được nhu cầu vay để tắt toán hợp đồng khi hết hạn vay, để sau đó, ký kết hợp đồng vay mới. Từ tháng 3-2018, T1 đã vay tiền của nhiều người, để cho vay lại, kiếm lời. Đến tháng 3-2019, số tiền vay lên đến 2.765.000.000đ. T1 khai: Do bị người khác “giật nợ” nên mất khả năng trả nợ. Ngày 19-3-2019, T1 bỏ trốn. Các chủ nợ đã tố giác với Cơ quan điều tra.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Vụ 1: Từ tháng 3-2018, T1 bắt đầu vay tiền của Dương Thị Bích T5 (là nhân viên EXIMBANK Tây Đô), với lãi suất 0,6%/ngày. T1 đã thanh toán vốn và lãi cho T5 nhiều lần. Cho đến khi bỏ trốn, T1 còn nợ T5 1.150.000.000đ.

Vụ 2: Từ tháng 7-2018, T1 bắt đầu vay tiền của Dương Minh S (là nhân viên EXIMBANK Cần Thơ) và vợ của S là Lê Thị C, với lãi suất 5%/tháng và 2%/ngày. Cho đến khi bỏ trốn, T1 còn nợ tổng cộng là 285.000.000đ. T1 chưa thanh toán vốn và lãi cho S và C.

Vụ 3: Từ tháng 10-2018, T1 bắt đầu vay tiền của Đặng Hoàng T4 (là nhân viên EXIMBANK Cần Thơ), với lãi suất 0,6%/ngày, 2%/tuần và 5%/tháng. T1 đã thanh toán vốn và lãi cho T4 nhiều lần. Cho đến khi bỏ trốn, T1 còn nợ T4 960.000.000đ.

Vụ 4: T1 biết Nguyễn Thị Minh T5 và Nguyễn Thanh N2 thông qua Trương Thị Thanh T6 (là chị của T1). Từ tháng 2-2019, T1 bắt đầu vay tiền của T5 và N2. Tổng số tiền là 370.000.000đ, với lãi suất 0,8%/ngày. Trong đó, của T5 là 150.000.000đ và của N2 là 220.000.000đ. T1 chưa thanh toán vốn và lãi cho T5 và N2.

Sau 3 lần hẹn trả nợ mà T1 không thực hiện, ngày 17-3-2019, T5 và N2 đến nhà của T1. T1 đưa cho xem bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. T1 hứa: Nếu không có người mua, thì T5 và T4 đưa thêm 750.000.000đ, T1 sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất này cho T5 và N2. Số tiền 370.000.000đ coi

như là tiền đặt cọc. Nếu không bán thì T1 chịu phạt gấp đôi. T1 hẹn đến ngày 17-4-2019, sẽ giải quyết xong. Ngày 19-3-2019, T1 bỏ trốn.

Trong thời gian trốn tránh, ngày 2-8-2019, T1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất nói trên cho các ông Huỳnh Văn Q, Nguyễn Thành T5 và Nguyễn Minh Triều, với số tiền là 1.100.000.000đ. Sau khi tất toán với Ngân hàng, còn lại số tiền 500.000.000đ, T1 mang theo, bỏ trốn.

Ngày 7-4-2020, T1 bị bắt theo Quyết định truy nã tại thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Tại Cáo trạng số 57/CT-VKS-P1 ngày 14-10-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố Trương Thị Mỹ T1 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo và các bị hại không cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, là tiền vốn vay; đồng thời xét xử bị cáo theo đúng quy định của Pháp luật.

Luật sư, bào chữa cho bị cáo, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo còn có con nhỏ. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình: Đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải. Bên cạnh đó cũng xác định bị cáo phạm tội từ 2 lần trở lên. Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 17 - 18 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình điều tra tuân thủ các quy định của Pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo đã lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của các bị hại, vay tiền với hứa hẹn trả lãi cao, rồi sau đó bỏ trốn, chiếm đoạt số tiền lên đến 2.765.000.000đ. Truy tố bị cáo theo khoản 4 Điều 175 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Hành vi phạm tội không chỉ gây thiệt hại về tài sản cho bị hại, mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội. Đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt cho nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2] Khi lượng hình có xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải.

Bên cạnh đó, cũng phải xem xét tình tiết bị cáo phạm tội nhiều lần.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại tổng cộng 2.765.000.000đ.

[4] Về số vật chứng đã thu giữ:

- Những tài liệu cần tiếp tục giữ kèm theo hồ sơ vụ án.
- Xe mô tô biển số 64H-147.99 và Giấy chứng nhận đăng ký xe của bị cáo - cần tiếp tục giữ để bảo đảm thi hành án.
- Giấy phép lái xe nên cho bị cáo nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Mỹ T1 phạm tội **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trương Thị Mỹ T1 **17 (mười bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ 7 - 4 - 2020.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Dương Thị Bích T5: 1.150.000.000đ.
- Dương Minh S: 285.000.000đ.
- Đặng Hoàng T4: 960.000.000đ.
- Nguyễn Thị Minh T5: 150.000.000đ.
- Nguyễn Thanh N2: 220.000.000đ.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục giữ xe mô tô biển số 64H-147.99 và Giấy chứng nhận đăng ký xe của bị cáo, để bảo đảm thi hành án.

Cho bị cáo nhận lại Giấy phép lái xe đã thu giữ.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 87.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án Dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Nơi gửi:

- VKSND CC tại TP.HCM
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cục THA DS TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Trại tạm giam CA TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Trinh